

BIỆN PHÁP BẮT NGƯỜI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO*

Bài viết giới thiệu một số quy định về biện pháp bắt người trong pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) của Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản; trên cơ sở đó, tác giả rút ra một số giá trị tham khảo cho việc hoàn thiện các quy định về biện pháp bắt người trong pháp luật TTHS Việt Nam.

Từ khóa: Tố tụng hình sự, biện pháp bắt người, biện pháp ngăn chặn.

Ngày nhận bài: 26/10/2021; Biên tập xong: 03/11/2021; Duyệt đăng: 10/11/2021

The paper presents provisions on arrest measure in the criminal proceedings of the Federal Republic of Germany and Japan; thereby, the author brings out some reference values to improve the regulations on that measure in our criminal proceedings.

Keywords: Criminal proceedings, arrest measure, preventive measure.

Biện pháp bắt người là biện pháp ngăn chặn trong TTHS, do những người có thẩm quyền theo luật định tiến hành, áp dụng đối với bị can, bị cáo, người đang bị truy nã hoặc người có liên quan đến việc thực hiện tội phạm chưa bị khởi tố khi có những căn cứ do luật định, theo trình tự thủ tục nhất định nhằm ngăn chặn tội phạm hoặc bảo đảm cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự được tiến hành nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật. Trong hệ thống các biện pháp ngăn chặn của TTHS, bắt người là biện pháp quan trọng được áp dụng rất phổ biến. Việc áp dụng biện pháp bắt người không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và việc giải quyết các nhiệm vụ của quá trình TTHS nói riêng mà còn gắn liền với việc hạn chế quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, nhất là các quyền tự do cá nhân được Hiến pháp ghi nhận và bảo đảm. Pháp luật TTHS của các nước trên thế giới đều có quy định về biện pháp bắt người. Trong phạm vi bài viết này, tác giả giới thiệu các quy định về biện pháp bắt người theo pháp luật TTHS

Cộng hòa Liên bang Đức và pháp luật TTHS Nhật Bản.

1. Biện pháp bắt trong pháp luật tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) Cộng hòa Liên bang Đức, biện pháp bắt người bao gồm bắt bị can và bắt quả tang. Theo đó, nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng việc bắt để xâm phạm tới quyền của con người, BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức quy định rất chặt chẽ về căn cứ bắt. Cụ thể, khoản 2 Điều 112 quy định việc bắt có thể được tiến hành nếu có những căn cứ cho thấy: "...1. Xác định bị can đã bỏ trốn hoặc đang trốn tránh; 2. Xét tới các tình tiết của vụ án cụ thể, có khả năng bị can sẽ trốn tránh (nguy cơ bỏ trốn); 3. Hành vi của bị can dẫn tới nghi ngờ có căn cứ rằng người đó sẽ: a) Phá hủy, thay đổi, di chuyển, giấu, hoặc làm giả chứng cứ; b) Tác động không đúng đắn tới đồng phạm, nhân chứng, hoặc chuyên gia, hoặc c) Khiến người khác làm những việc trên, và do đó, nếu có nguy cơ cho thấy việc xác định sự thật của vụ án sẽ khó khăn hơn (nguy cơ gây

* Thạc sĩ, Khoa Luật, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

khó khăn cho việc thu thập chứng cứ)¹.

Ngoài ra, Điều 112a cũng quy định thêm về các căn cứ khác cho việc bắt bị can. Theo đó, việc bắt cũng có thể được tiến hành nếu có căn cứ xác đáng để nghi ngờ rằng bị can: “1. Đã thực hiện một tội phạm theo các Điều 174, 174a, 176 đến 179 của Bộ luật Hình sự, hoặc; 2. Đã nhiều lần hoặc tiếp tục thực hiện một tội phạm xâm hại nghiêm trọng trật tự pháp luật theo Điều 125a, Điều 224 đến 227, Điều 243, 244, 249 đến 255, 260, Điều 263, Điều 306 đến 306c hoặc Điều 316a Bộ luật Hình sự hoặc Điều 29 khoản (1), số 1, 4 hoặc 10, hoặc khoản (3), Điều 29a khoản (1), Điều 30 khoản (1), Điều 30a khoản (1) của Luật phòng chống ma túy”².

Như vậy, việc bắt và tạm giam bị can chỉ được tiến hành nếu có căn cứ cho thấy khả năng trước khi có bản án kết tội, người đó sẽ tiếp tục thực hiện tội phạm nghiêm trọng tương tự hoặc sẽ tiếp tục hành vi phạm tội, nếu việc tạm giam là cần thiết để ngăn ngừa sự nguy hiểm sắp xảy ra.

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục bắt giam, Điều 114 BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức quy định: “Tạm giam sẽ do Thẩm phán quyết định bằng một lệnh bắt”. Ngoài ra, theo Điều 125 Bộ luật này thì: “1. Trước khi có quyết định khởi tố, Thẩm phán của Tòa án địa phương nơi có thẩm quyền xét xử, hoặc nơi bị can đang sinh sống sẽ ra lệnh bắt căn cứ vào đề nghị của Cơ quan Công tố hoặc nếu không có Công tố viên, hoặc trong trường hợp khẩn cấp, tự ra quyết định; 2. Sau khi đã truy tố, lệnh bắt sẽ được ban hành bởi Tòa án thụ lý vụ án và, nếu đã có kháng cáo, bởi Tòa án có bản án bị kháng cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, Thẩm phán chủ tọa có thể cho lệnh bắt”.

Như vậy, thẩm quyền áp dụng biện

pháp bắt trong pháp luật TTHS của Cộng hòa Liên bang Đức có sự khác biệt so với Việt Nam. Theo đó, bắt người nói riêng và những biện pháp tác động trực tiếp đến quyền cơ bản của con người nói chung đều phải được Thẩm phán - đại diện cho Tòa án quyết định nhằm tránh tình trạng các cơ quan khác như Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố lạm dụng việc điều tra vụ án nhanh hơn mà xâm phạm đến các quyền cơ bản của người bị bắt.

BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức cũng quy định rõ việc thông báo cho bị can và người thân của bị can tại Điều 114a và Điều 114b. Ngoài ra, việc thông báo này còn được thực hiện bởi chính người bị bắt: “... người bị bắt phải được tạo điều kiện thông báo cho một người họ hàng hoặc người mà anh ta tin tưởng về việc bắt, với điều kiện không ảnh hưởng tới mục đích của việc điều tra”³.

Đặc biệt, BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức còn quy định rõ những trường hợp đình chỉ thi hành lệnh bắt và hủy bỏ lệnh bắt. Theo quy định tại Điều 116 BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức, việc đình chỉ thi hành lệnh bắt của Thẩm phán được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp Thẩm phán ra lệnh bắt và tạm giam bị can chỉ vì lý do dựa trên khả năng bị can bỏ trốn thì Thẩm phán phải đình chỉ thi hành lệnh bắt nếu có các biện pháp ít nghiêm khắc hơn đủ để đảm bảo cho mục đích của việc tạm giam (tức là mục đích ngăn chặn việc bị can bỏ trốn). Cụ thể, có thể xem xét áp dụng các biện pháp sau đây:

+ Yêu cầu phải báo cáo tại những thời điểm nhất định với Văn phòng của Thẩm phán, Cơ quan Công tố hoặc với một cơ quan nào đó do Tòa án quy định;

¹ Viện Khoa học kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), *Bộ luật TTHS Cộng hòa Liên Bang Đức (Bản dịch – phụ trương thông tin khoa học pháp lý)*, Hà Nội.

² Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), tldd.

³ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), tldd.

+ Yêu cầu không được rời nơi cư trú hoặc một địa điểm nhất định mà không được phép của Thẩm phán hoặc Cơ quan công tố;

+ Yêu cầu không được rời khỏi nhà riêng, trừ khi dưới sự giám sát của người được chỉ định;

+ Thực hiện các biện pháp an ninh phù hợp.

- Trường hợp Thẩm phán ra lệnh bắt bị can vì lý do có khả năng gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ, Thẩm phán cũng có thể đình chỉ thi hành lệnh bắt đó nếu có các biện pháp ít nghiêm khắc hơn đảm bảo làm giảm đáng kể khả năng gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ. Đặc biệt, Thẩm phán có thể áp dụng biện pháp yêu cầu bị can không tiếp xúc với đồng phạm, nhân chứng hoặc chuyên gia.

- Trường hợp Thẩm phán ra lệnh bắt vì có các căn cứ theo quy định tại Điều 112a BLTTHS Cộng hoà Liên bang Đức, Thẩm phán có thể đình chỉ thi hành lệnh bắt đó với điều kiện có căn cứ cho rằng bị can sẽ tuân thủ các yêu cầu nhất định và mục đích của việc tạm giam sẽ đạt được.

Theo quy định tại Điều 120 BLTTHS Cộng hoà Liên bang Đức, lệnh bắt sẽ bị huỷ bỏ trong các trường hợp sau:

“(1) Lệnh bắt sẽ bị huỷ bỏ khi không còn các căn cứ cho việc tạm giam, hoặc nếu việc tiếp tục tạm giam không phù hợp với tính chất của vụ án hoặc với hình phạt dự kiến hoặc các biện pháp cải tạo, phòng ngừa. Đặc biệt, lệnh bắt sẽ bị huỷ bỏ nếu bị cáo được tuyên vô tội hoặc nếu việc mở phiên toà chính bị trì hoãn, hoặc nếu thủ tục tố tụng bị đình chỉ.

(2) Việc trả tự do cho người bị giam không được phép trì hoãn bởi tình tiết đang có kháng cáo phúc thẩm.

(3) Lệnh bắt cũng sẽ được huỷ bỏ nếu Cơ quan Công tố có đề nghị trước khi quyết định khởi tố. Cùng với đề nghị này, Cơ quan Công

tố có thể ra lệnh trả tự do cho bị can”⁴.

Đối với việc bắt quả tang, Điều 127 BLTTHS Cộng hoà Liên bang Đức quy định: *“Trong trường hợp một người bị bắt quả tang hoặc bị bắt khi bị truy đuổi thì bất cứ ai cũng có quyền tạm giữ người đó, ngay cả khi không có lệnh của Toà án, nếu có căn cứ cho rằng người đó bỏ trốn hoặc nếu không thể xác định căn cước của người đó ngay...”*. Như vậy, quy định này chưa rõ các căn cứ và trình tự, thủ tục bắt người phạm tội quả tang.

2. Biện pháp bắt trong pháp luật tố tụng hình sự Nhật Bản

Theo quy định của BLTTHS Nhật Bản, biện pháp bắt người được chia thành hai loại: Bắt người có lệnh và bắt người không cần lệnh với các quy định rất chặt chẽ về căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục áp dụng.

Thứ nhất, bắt người có lệnh:

Điều 199 BLTTHS Nhật Bản quy định:

“1. Trường hợp có lý do tin rằng bị can đã thực hiện tội phạm, công tố viên, thư kí văn phòng công tố, hoặc cảnh sát có thể bắt người này theo lệnh bắt do thẩm phán ban hành trước đó: Với điều kiện là liên quan đến những tội bị phạt tiền không quá ba trăm nghìn yên (...), giam giữ hình sự, hoặc phạt tiền ít nghiêm trọng, bị can có thể chỉ bị bắt khi không có nơi ở cố định, hoặc không tuân thủ việc có mặt quy định tại Điều trên mà không có lý do chính đáng.

2. Trường hợp thẩm phán cho rằng có đủ lý do để nghi ngờ bị can đã thực hiện một tội phạm thì phải ban hành lệnh bắt đề cập tại khoản 1 theo yêu cầu của công tố viên hoặc sỹ quan cảnh sát (liên quan đến sỹ quan cảnh sát, phạm vi được giới hạn đối với người có cấp bậc điều tra viên hoặc cấp cao hơn theo quy định của Uỷ ban An toàn Công

⁴ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), tldd.

cộng Quốc gia hoặc Ủy ban An toàn Công cộng Địa phương): Với điều kiện là điều này không áp dụng nếu thẩm phán cho rằng rõ ràng không cần thiết phải bắt”⁵.

Như vậy, căn cứ để áp dụng biện pháp bắt được quy định trong BLTTHS Nhật Bản rất cụ thể với những điều kiện nhất định nhằm đảm bảo quyền của người bị bắt. Những trường hợp áp dụng biện pháp bắt được quy định theo mức hình phạt có thể áp dụng đối với người này hoặc trường hợp họ không có nơi ở cố định. Theo quy định trên, thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt giống như quy định trong BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức là thuộc về thẩm phán.

Về trình tự, thủ tục bắt, việc bắt phải có lệnh bắt. Lệnh bắt được quy định tại Điều 120: “Lệnh bắt phải có tên và địa chỉ của bị can, tội phạm, các tình tiết chính bị cáo buộc, cơ quan nhà nước hoặc nơi khác cần đến, thời hạn hiệu lực và tuyên bố nêu rõ là sau khi hết thời hạn này thì lệnh bắt không được thi hành và bị trả lại cũng như ngày ban hành lệnh, và các vấn đề được quy định trong các nguyên tắc của tòa án; thẩm phán phải ký tên, đóng dấu vào lệnh”.

Như vậy, ngoài các nội dung chính trong lệnh bắt được quy định giống như nhiều quốc gia trên thế giới, BLTTHS Nhật Bản còn quy định cả vấn đề thời hạn hiệu lực để tăng cường trách nhiệm của các cơ quan thực thi lệnh bắt. Khi bắt theo lệnh thì phải đưa cho người bị bắt xem lệnh, đồng thời: “Trường hợp thư kí văn phòng công tố hoặc nhân viên cảnh sát đã bắt bị can theo lệnh bắt thì người này phải đưa ngay bị can đến trước công tố viên và sỹ quan cảnh sát”.

Thứ hai, bắt người không cần lệnh:

⁵ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản (Bản dịch – phụ trương Thông tin khoa học pháp lý), Hà Nội.

Ngoài trường hợp bắt theo lệnh bắt của thẩm phán, BLTTHS Nhật Bản còn quy định việc bắt người phạm tội quả tang và các căn cứ để bắt người phạm tội quả tang:

“1. Một người đang thực hiện hoặc mới bắt đầu thực hiện một hành vi phạm tội được coi là phạm tội quả tang.

2. Trường hợp rõ ràng là một người thực hiện một trong những hành vi sau đây sẽ bị coi là đó phạm tội quả tang: (1) Trường hợp đang bị tri hô đuổi bắt vì họ thực hiện tội phạm; (2) Mang trong người vật phạm tội, vũ khí hoặc những đồ vật khác được cho rằng họ sử dụng để phạm tội; (3) Có dấu vết tội phạm trên người hoặc quần áo; (4) Trường hợp người đó được yêu cầu đứng lại nhưng vẫn cố gắng bỏ chạy”⁶.

Cũng như pháp luật TTHS của các nước trên thế giới, pháp luật TTHS Nhật Bản cũng quy định bất kỳ người nào cũng có quyền bắt người phạm tội quả tang mà không cần có lệnh bắt, và “... sau khi bắt người phạm tội quả tang thì giải ngay đến công tố viên cấp quận hoặc viện kiểm sát địa phương, hoặc đưa tới công an”⁷. Bên cạnh đó, BLTTHS Nhật Bản quy định rõ về thời hạn thi hành lệnh bắt tại Điều 200: “Lệnh bắt phải có tên và địa chỉ của bị can, tội phạm, các tình tiết chính bị cáo buộc, cơ quan nhà nước hoặc nơi khác cần đến, thời hạn hiệu lực và tuyên bố nêu rõ là sau khi hết thời hạn này thì lệnh bắt không được thi hành và bị trả lại cũng như ngày ban hành lệnh, và các vấn đề được quy định trong các nguyên tắc của tòa án; thẩm phán phải ký tên, đóng dấu vào lệnh”⁸.

⁶ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản (Bản dịch – phụ trương thông tin khoa học pháp lý), Hà Nội.

⁷ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản (Bản dịch – phụ trương thông tin khoa học pháp lý), Hà Nội.

⁸ Viện Khoa học kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân

Như vậy, mặc dù có sự khác nhau nhưng pháp luật TTHS của các nước đều quy định rất chặt chẽ về trường hợp bắt, căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục bắt. Việc quy định cụ thể, rõ ràng về việc bắt người như trên góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị bắt, tránh được việc lạm dụng biện pháp bắt trong giải quyết vụ án hình sự. Do đó, việc nghiên cứu tìm hiểu pháp luật TTHS về biện pháp bắt người của một số nước như Cộng hoà Liên bang Đức và Nhật Bản rất có ý nghĩa cho việc tham khảo để bổ sung, hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam về biện pháp bắt người.

3. Một số giá trị tham khảo cho Việt Nam

Thứ nhất, thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt được thu hẹp trong pháp luật TTHS Việt Nam

Có thể thấy, việc càng thu hẹp thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt người sẽ hạn chế được việc lạm dụng biện pháp bắt, đồng thời thể hiện được sự thận trọng của Nhà nước trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với công dân. Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, nếu chỉ quy định cho Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt người như ở Cộng hoà Liên bang Đức và Nhật Bản thì sẽ không thể đáp ứng được thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, trong tương lai, để phù hợp với luật pháp quốc tế và nhiệm vụ của Tòa án, cần nghiên cứu sửa đổi BLTTHS theo hướng chỉ Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt người (trừ trường hợp bắt người phạm tội quả tang và bắt người đang bị truy nã).

Thứ hai, pháp luật TTHS cần cụ thể hóa các căn cứ áp dụng biện pháp bắt

Các căn cứ áp dụng biện pháp bắt là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan có thẩm quyền quyết định có áp dụng biện pháp bắt hay không. Do đó, các căn cứ càng được quy định cụ thể, rõ ràng thì càng bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và vận dụng, tránh sự suy diễn, tùy tiện, áp đặt mang tính chủ quan của cơ quan có thẩm quyền áp dụng. Nghiên cứu pháp luật TTHS về biện pháp bắt của một số nước nêu trên cho thấy, căn cứ áp dụng biện pháp bắt được quy định tương đối cụ thể với sự mô tả rõ ràng, thậm chí có thể chỉ rõ việc quy định áp dụng biện pháp bắt theo các tội danh cụ thể như BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức.

Thứ ba, pháp luật TTHS cần quy định cụ thể các trường hợp hủy, đình chỉ lệnh bắt

Biện pháp bắt là biện pháp ngăn chặn có ảnh hưởng trực tiếp đến một số quyền con người nói chung và quyền của người bị bắt nói riêng nên biện pháp này chỉ được áp dụng khi có đủ các căn cứ theo luật định và trong trường hợp thật cần thiết. Do đó, trong trường hợp việc bắt được xác định là không cần thiết thì phải kịp thời đình chỉ hoặc hủy bỏ biện pháp bắt. Pháp luật TTHS Cộng hòa Liên bang Đức đã quy định rất cụ thể về các trường hợp hủy bỏ lệnh bắt và đình chỉ thi hành lệnh bắt. Pháp luật TTHS Nhật Bản không quy định cụ thể việc đình chỉ thi hành lệnh bắt nhưng lại quy định rõ về thời hạn thi hành lệnh bắt. Đây là vấn đề có giá trị tham khảo rất quan trọng vì pháp luật TTHS nước ta không quy định việc đình chỉ thi hành lệnh bắt cũng như mới chỉ quy định căn cứ hủy bỏ biện pháp ngăn chặn nói chung./.

tối cao (2002), *Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản (Bản dịch – phụ trương thông tin khoa học pháp lý)*, Hà Nội.